

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TH CẦU XÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 564 /BC –THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Về việc báo cáo công khai thực hiện dự
toán thu - chi ngân sách Quý 3/2024

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo yêu cầu công tác;

Trường Tiểu học Cầu Xáng báo cáo công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 3 năm 2024, gồm:

1. Quyết định về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 3 năm 2024; (Đính kèm Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

2. Thông báo về việc niêm yết công khai công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 3 năm 2024.

Trường Tiểu học Cầu Xáng kính báo Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Bình Chánh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KT, VT.



Nguyễn Ngọc Sơn

Số: 563 /TB-THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 3 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Trường Tiểu học Cầu Xáng thông báo tổ chức niêm yết công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 3 năm 2024.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai liên tục từ 09/10/2024 đến 09/11/2024.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số: 652 /QĐ-THCX ngày 09 tháng 10 năm 2024 của trường Cầu Xáng về công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 2 năm 2024.

- Địa điểm niêm yết: tại bảng công khai tài chính trường Tiểu học Cầu Xáng

Trên đây là Thông báo của trường Tiểu học Cầu Xáng./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Sơn

Số: 562 /QĐ-THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
Quý 3 năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024.

Xét đề nghị của Hội đồng sự phạm nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024 của Trường Tiểu học Cầu Xáng (theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Cầu Xáng và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Sơn

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai dự toán thu chi quý 3
năm 2024

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Hôm nay, lúc 10 giờ 00 , ngày 09 tháng 10 năm 2024

Tại: Phòng Giáo viên, Trường tiểu học Cầu Xáng

Đơn vị: Trường tiểu học Cầu Xáng đã tiến hành tổ chức niêm yết công khai các nội dung: Công khai tài chính tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 1 năm 2024. **Niêm yết** tại trụ sở làm việc.

I- Thành phần lập biên bản, gồm:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn , Hiệu trưởng
2. Bà Cao Thị Thúy Diệu , Chủ tịch Công đoàn
3. Bà/ÔngVõ Hữu Hưng....., đại diện Ban Thanh tra nhân dân

II- Nội dung:

1. Nội dung niêm yết:

Căn cứ Quyết định số 13235/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2024

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

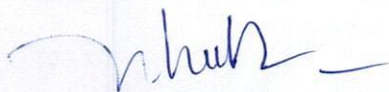
2. Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 09 tháng 10 năm 2024, sẽ kết thúc việc niêm yết vào ngày 09 tháng 11 năm 2024 (30 ngày liên tục).

Các Bản công khai được niêm yết tại Bảng công khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị xem.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian được quy định nêu trên.

Biên bản lập xong lúc 10 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Phan Thị Như Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



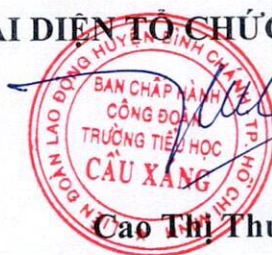
Nguyễn Ngọc Sơn

NGƯỜI DỰ NIÊM YẾT



Võ Huỳnh Hùng

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN



Cao Thị Thúy Diệu

Bình chánh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Cầu Xáng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách **quý III năm 2024** như sau:

ĐV tính: Ngân đồng

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.772.584	223.750	3,88%	
I			Số thu phí, lệ phí	5.732.584	32.576	0,57%	-
1			Lệ phí				
2			Phí		-		
3			Sự nghiệp khác	5.732.584	32.576	0,57%	
			3.1 Thu thỏa thuận	2.970.900	24.801	0,83%	
		1	Tổ chức học 2 buổi	160.800	-	0,00%	
		2	Tiếng Anh TC	173.200	1.759,0	1,02%	
		3	Tin học IC3	517.370	5.577,0	1,08%	
		4	Kỹ năng sống	540.120	5.865,0	1,09%	
		5	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ	848.760	9.790,0	1,15%	
		6	Tổ chức phục vụ bán trú,	323.550	1.368,0	0,42%	
		7	Vệ sinh phí bán trú	179.600	442,0		
		8	Thiết bị, vật dụng bán trú	81.000	-	0,00%	
		9	Phổ cập bơi lội	146.500	-	0,00%	
			3.2 Thu hộ - chi hộ	2.721.684	7.775	0,29%	
		10	Tiền ăn bán trú	1.732.500	4.900	0,28%	
		11	Tiền ăn xế	-	1.635	0,00%	
		12	Nước uống	129.600	90	0,07%	
		13	Đề kiểm tra	14.400	-	0,00%	
		14	Học phẩm (PLL, CH, HB)	-	810	0,00%	
		15	Sổ LL Điện tử	129.600	-	0,00%	
		16	Bảo hiểm y tế	653.184	250	0,04%	
		17	Bảo hiểm tai nạn	48.000	-	0,00%	
		18	Bảo hiểm y tế chăm sóc ban đầu	-	-	0,00%	
		19	Sổ LL học sinh	-	-	0,00%	
		20	Hình thẻ	-	90	0,00%	
		21	Phù hiệu	14.400	-	0,00%	
		22	Học Ba Tiếng Anh		-	0,00%	
		0	3.3 Thu khác	40.000	-	0,00%	
		23	Căn tin	40.000	-	0,00%	
II			Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.941.800	191.174	3,22%	-
1			Chi sự nghiệp học phí công lập	-	-	0,00%	
a			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	0,00%	
b			Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	0,00%	
2			Chi quản lý hành chính	-	-	0,00%	
a			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0,00%	
b			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0,00%	

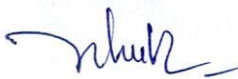
Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
3			Sự nghiệp khác	5.941.800	191.174	3,22%	
			3.1 Thu thỏa thuận	2.970.900	177.874	2,99%	
		1	Tổ chức học 2 buổi	160.800	34.824	1,17%	
		2	Tiếng Anh TC	173.200	45.464	28,27%	
		3	Tin học IC3	517.370	6.277	3,62%	
		4	Kỹ năng sống	540.120	18.353	3,55%	
		5	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ	848.760	7.051	1,31%	
		6	Tổ chức phục vụ bán trú,	503.150	30.548	3,60%	
		7	Vệ sinh phí bán trú	81.000	35.358	7,03%	
		8	Thiết bị, vật dụng bán trú	146.500		0,00%	
		9	Phổ cập bơi lội				
			3.2 Thu hộ - chi hộ	2.721.684	13.300	8,27%	
		10	Tiền ăn bán trú	1.732.500	-	0,00%	
		11	Tiền ăn xế	-	-	0,00%	
		12	Nước uống	129.600	-	0,00%	
		13	Đề kiểm tra	14.400	-	0,00%	
		14	Học phẩm (PLL, CH, HB)	-	-	0,00%	
		15	Sổ LL Điện tử	129.600	-	0,00%	
		16	Bảo hiểm y tế	653.184	-	0,00%	
		17	Bảo hiểm tai nạn	48.000	13.300	0,49%	
		18	Bảo hiểm y tế chăm sóc ban đầu	-	-	0,00%	
		19	Sổ LL học sinh	-	-	0,00%	
		20	Hình thẻ	-	-	0,00%	
		21	Phù hiệu	14.400	-	0,00%	
		22	Học Ba Tiếng Anh		-	0,00%	
			3.3 Thu khác	270.000	-	0,00%	
		23	Căn tin	270.000		0,00%	
III			Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		-	0,00%	
1			Lệ phí				
B			Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.400.000	3.417.144	53,39%	
I			Nguồn ngân sách trong nước	6.400.000	3.417.144	53,39%	
1			Chi quản lý hành chính	-	-	0,00%	
1.1			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-		0,00%	
1.2			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		0,00%	
2			Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-	0,00%	
2.1			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-		0,00%	
2.2			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-		0,00%	
2.3			Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-		0,00%	
3			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.400.000	3.417.144	53,39%	
3.1			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	6.400.000	2.456.502	38,38%	0
	6000		Tiền lương	2.552.906	1.230.547	19,23%	-
		6001	Lương ngạch bậc	2.552.906	1.230.547	48,20%	
	6050		Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng	-	-	-	-
		6051	Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng	-	-	-	
	6100		Phụ cấp lương	1.282.269	621.128	9511,80%	-
		6101	Chức vụ	54.534	24.214	1,89%	
		6105	Làm đêm, thêm giờ	-			
		6107	PC nặng nhọc, độc hại	-	-	0,00%	0
		6112	Ưu đãi	869.875	426.868	49,07%	0
		6113	Trách nhiệm	1.788	888	0,10%	

Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên NG	356.072	169.158	9460,74%	
	6300		Các khoản đóng góp	696.425	338.278	101,20%	-
		6301	Bảo hiểm xã hội 17,5%	518.615	251.834	36,16%	
		6302	Bảo hiểm y tế 3%	88.905	43.234	8,34%	
		6303	Kinh phí công đoàn 2%	59.270	28.814	32,41%	0
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp 1%	29.635	14.396	24,29%	
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-	0,00%	-
		6404	Chênh lệch thực tế so với lương	-	-	0,00%	
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác: trợ cấp vùng sâu	-	-	0,00%	
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	308.400	28.651	4,80%	-
		6501	Thanh toán tiền điện	180.000	14.793	4,80%	
		6502	Thanh toán tiền nước	120.000	11.548	0,00%	
		6503	Tiền nhiên liệu	-	-		
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	8.400	2.310	0,00%	
	6550		Vật tư văn phòng	128.000	29.310	6,16%	-
		6551	Văn phòng phẩm	48.000	7.885	6,16%	
		6552	Công cụ dụng cụ	60.000	21.425	-	
		6599	Vật tư văn phòng khác	20.000		0,00%	
	6600		Thông tin, tuyên truyền liên lạc	48.000	9.030	56,44%	-
		6605	Cước phí internet	2.000	-	0,00%	
		6605	Thuê bao kênh vệ tinh, cước phí Internet, thuê đường truyền hình mạng	16.000	-	0,00%	
		6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	30.000	9.030	56,44%	
	6700		Công tác phí	32.000	5.700	17,81%	-
		6704	Khoản công tác phí	32.000	5.700	17,81%	
	6750		Chi phí thuê mướn	860.000	141.215	0,00%	-
		6751	Thuê phương tiện	20.000	-	0,00%	-
		6757	Thuê lao động trong nước	74.000	136.215	0,00%	-
		6758	Thuê đào tạo cán bộ	53.000	5.000	0,00%	-
		6799	Chi phí thuê mướn khác	713.000	-	0,00%	-
	6900		Sửa chữa TX TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn	85.000	26.107	174,05%	-
		6905	Tài sản và thiết bị chuyển dùng	10.000			
		6907	Nhà cửa	15.000	19.155	127,70%	
		6912	Các thiết bị công nghệ tin học	20.000	6.952	46,35%	-
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng(máy photo copy)	10.000	-	0,00%	-
		6921	Đường điện cấp thoát nước	30.000		0,00%	0
		6949	Các tài sản cố định và công trình hạ tầng CS khác(thay mặt bàn, ghế HS)	-	-	0,00%	
	6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	0,00%	-
		6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-		
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	254.000	26.536	265,36%	-
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn	30.000			
		7004	Đồng phục, trang phục	4.000		0,00%	
		7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	10.000	-	0,00%	
		7049	Chi phí khác	210.000	26.536	265,36%	
	7050		Mua sắm tài sản vô hình	-	-	0,00%	
		7053	Chi khác	-	-		
	7750		Chi khác	-	-	0,00%	

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
	7950		Chi lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	54.000	-	0,00%	-
		7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	30.000	-	0,00%	
		7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	10.000	-	0,00%	
		7953	Chi lập quỹ khen thưởng	14.000	-	0,00%	
		7954	Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp	-	-	0,00%	
	8000		Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	99.000	-	0,00%	-
		8049	Chi hỗ trợ khác, inh phí trợ cấp thôi việc	99.000	-		
3.2			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14)	4.219.156	686.271	16,27%	-
	6000		Tiền lương	2.530.535	-	0,00%	
		6001	Lương ngạch bậc	2.530.535	-	0,00%	
	6050		Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng	-	-	-	
		6051	Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng	2.144.914	-	-	
	6100		Phụ cấp lương	1.072.457	-	0,00%	
		6101	Chức vụ	57.216	-	0,00%	
		6105	Làm đêm, thêm giờ	-	-	-	
		6107	PC nặng nhọc, độc hại	-	-	0,00%	
		6112	Ưu đãi	604.234	-	0,00%	
		6113	Trách nhiệm	1.788	-	0,00%	
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên NG	409.219	-	0,00%	
		6149	Đứng Năng TĐTT	-	-	-	
	6250		Phúc lợi tập thể	-	-	0,00%	-
	6300		Các khoản đóng góp	616.164	-	0,00%	
		6301	Bảo hiểm xã hội 17,5%	424.470	-	0,00%	
		6302	Bảo hiểm y tế 3%	89.909	-	0,00%	
		6303	Kinh phí công đoàn 2%	59.939	-	0,00%	
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp 1%	41.846	-	0,00%	
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	686.271	1640%	-
		6449	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:(nghị quyết 03/2018 NS cấp)	-	686.271		
3.3			Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị	-	-	0,00%	
		6449	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:(nghị quyết 03/2018 NS cấp)	-	-	-	
3.4			Kinh phí không thường xuyên	1.058.600	274.371	0,00%	-
	6100		Phụ cấp lương	586.550	183.371	0,00%	
		6112	Phụ cấp ưu đãi GV dạy HS khuyết tật	185.000	183.371	0,00%	
		6105	Làm đêm, thêm giờ	372.561	-	0,00%	
		6149	Đứng Năng TĐTT	28.989	-	0,00%	
	6150		Học bổng học sinh, sinh viên	20.250	-	0%	
		6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	20.250	-	0%	
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	451.800	91.000	449%	-
		6449	Trợ cấp vùng sâu , tết ND năm 2024	451.800	91.000	20%	
	7750		Chi khác	-	-	0%	

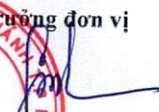
Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
	6750	7766	Miễn giảm học phí	-	-	0%	

Kế toán


Phan Thị Như Thủy

Thư trưởng đơn vị




Nguyễn Ngọc Sơn

